ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MỸ THỚI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 8421/PA-UBND	*Mỹ Thới, ngày 30 tháng 7 năm 2026*

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT
Về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Nguyễn Thái Sang và bà Nguyễn Thị Hồng Loan khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống, tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 của Thủ tướng Chính Phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống;

Căn cứ Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Phân cấp thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 8384/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 của UBND phường Mỹ Thới về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để đầu tư dự án Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống (Đợt 4);

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 802/TTr-PKTHTĐT ngày 24/7/2026.

1. Thông tin người có đất, tài sản thu hồi:

- Ông Nguyễn Thái Sang: Sinh năm 1968, số CCCD 089068010416.

- Bà Nguyễn Thị Hồng Loan: Sinh năm 1969, số CCCD 087169017045.

-Địa chỉ thường trú: khóm Hưng Thạnh, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang.

- Phương án số: 37.

2. Thông tin về đất đai:

- Vị trí thửa đất thu hồi: Khu vực còn lại.

- Diện tích: 1.300,8 m^2.

- Số tờ:89, số thửa 219, 218.

- Loại đất thu hồi: CLN và LUC.

-Nguồn gốc thửa đất: Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy số CH09956 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 30/9/2020 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy số CH09955 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 30/9/2020.

3. Loại tài sản:

3.1. Về đất đai:

Loại đất	Diện tích (m^2)
- Đất CLN	468,10
- Đất LUC	832,70
Tổng	**1.300,80**

3.2. Loại tài sản trên đất (cây trồng, vật nuôi/ công trình xây dựng, nhà) (nếu có)

Hạng mục	**Đơn vị**	**Diện tích - khối lượng**
Mai vàng	cây	60,00
Mít	cây	235,00
Sầu riêng	cây	24,00
Dừa	cây	5,00
Đu đủ	cây	15,00
Măng cục	cây	12,00
Nhãn	cây	5,00
Chuối	cây	121,00
Chuối	cây	81,00
Ổi	cây	5,00
Xoài	cây	10,00
Chùm ruột	cây	2,00
Bằng lăng	cây	25,00
Bơ	cây	2,00
Bạch đàn	cây	15,00
Bông trang	cây	55,00
Vú sữa	cây	5,00
Chôm chôm	cây	5,00
Me chua	cây	2,00
Tổng		

3.3. Về hạng mục nhà, nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc xây dựng trên đất:

Hạng mục	Đơn vị	Diện tích - khối lượng
Nhà	m^2	32,80
Mái che 1	m^2	87,40
Mái che 2	m^2	4,00
Mái che 3	m^2	1,96
Mái che 4	m^2	10,30
Ống PVC 27	m	150,00
Hàng rào	m^2	203,55
Tổng		

4. Các khoản Bồi thường (4.1+4.2+4.3): 1.854.254.944 đồng.

4.1. Bồi thường đất đai:

Loại đất	Diện tích (m^2)	Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền bồi thường (đồng)
- Đất CLN	468,10	553.206	258.955.729
- Đất LUC	832,70	557.495	464.226.087
Tổng			**723.181.816**

4.2. Kinh phí bồi thường cây trồng:

Loại cây	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Mai vàng	60,00	117.000	7.020.000
Mít	235,00	2.236.000	525.460.000
Sầu riêng	24,00	4.500.000	108.000.000
Dừa	5,00	1.708.000	8.540.000
Đu đủ	15,00	248.000	3.720.000
Măng cục	12,00	1.900.000	22.800.000
Nhãn	5,00	997.000	4.985.000
Chuối	121,00	76.000	9.196.000
Chuối	81,00	132.000	10.692.000
Ổi	5,00	571.000	2.855.000
Xoài	10,00	3.064.000	30.640.000
Chùm ruột	2,00	228.000	456.000
Bằng lăng	25,00	1.200.000	30.000.000
Bơ	2,00	2.870.000	5.740.000
Bạch đàn	15,00	600.000	9.000.000
Bông trang	55,00	100.000	5.500.000
Vú sữa	5,00	1.632.000	8.160.000
Chôm chôm	5,00	997.000	4.985.000
Me chua	2,00	1.280.000	2.560.000
Tổng			**800.309.000**

4.3. Kinh phí bồi thường vật kiến trúc:

Hạng mục	Diện tích/khối lượng	Đơn giá (đồng)		Thành tiền (đồng)
Nhà	100,50	4.246.000	60%	256.033.800
Mái che 1	9,93	1.421.419	60%	8.468.814
Mái che 2	9,30	1.421.419	60%	7.931.518
Mái che 3	16,90	1.421.419	60%	14.413.189
Mái che 4	13,20	694.540	60%	5.500.757
Ống PVC 27	150,00	12.960	60%	1.166.400
Hàng rào	203,55	305.000	60%	37.249.650
Tổng				**330.764.128**

5. Các khoản hỗ trợ và hỗ trợ khác (5.1+5.2+5.3+5.4+5.5+5.6+5.7): 615.560.400 đồng.

5.1. Hỗ trợ ổn định đời sống:

Loại hỗ trợ	Số khẩu	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Diễn giải
Hỗ trợ ổn định đời sống		02	1.530.000	3.060.000	
Tổng				**3.060.000**	

5.2. Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh: không có

5.3. Hỗ trợ di dời vật nuôi: không có

5.4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Loại đất	Diện tích (m^2)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Diễn giải
Đất CLN	468,10	540.000	252.774.000	
Đất LUC	832,70	432.000	359.726.400	
Tổng cộng			**612.500.400**	

5.5. Hỗ trợ tái định cư: không có.

5.6. Bồi thường, hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời: không có

5.7. Các khoản hỗ trợ khác: không có.

6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (4+5): 2.469.815.344 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm mười lăm ngàn, ba trăm bốn mươi bốn đồng).

7. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có.

8. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng đất với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có.

9. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có.

10. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất (nếu có): không có.

11. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): không có.

12. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): không có.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Trưởng phòng Văn hoá - Xã hội phường, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường, Giám đốc Phòng Giao dịch Số 6 Kho bạc Nhà nước Khu vực XX, Trưởng Thuế Cơ sở 7 tỉnh An Giang, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực liên xã, phường Long Xuyên, người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành phương án này./.

Nơi nhận:
- Sở NN và MT AG;
- Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T;
- TT. Đảng ủy – HĐND;
- CT và PCT phường;
- Trang TTĐT phường;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG MỸ THỚI T. AN GIANG

Phạm Thành Nhơn